

ĐIỂM THI HỌC KÌ 2 - PHẦN TRẮC NGHIỆM TIẾNG ANH

KHỐI 10

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
1	000410	Vũ Hoàng An	10A1	107	15	1.5
2	000412	Huỳnh Nhật Anh	10A1	105	12	1.2
3	000430	Trần Tuấn Anh	10A1	107	10	1
4	000458	Nguyễn Hoàng Quốc Dũng	10A1	106	13	1.3
5	000484	Ngô Văn Đạt	10A1	105	11	1.1
6	000486	Lã Minh Đức	10A1	106	12	1.2
7	000497	Hoàng Thị Ngọc Hà	10A1	108	9	0.9
8	000509	Mạc Gia Hân	10A1	105	8	0.8
9	000516	Lê Thị Trung Hậu	10A1	106	13	1.3
10	000528	Trần Huy Hoàng	10A1	105	3	0.3
11	000541	Lương Gia Huy	10A1	105	12	1.2
12	000563	Trần Bảo Khanh	10A1	108	12	1.2
13	000627	Đỗ Quỳnh Nga	10A1	105	12	1.2
14	000630	Bùi Thanh Ngân	10A1	107	12	1.2
15	000633	Nguyễn Đoàn Thu Ngân	10A1	106	15	1.5
16	000641	Son Thị Nghĩa	10A1	105	8	0.8
17	000676	Vũ Thị Phương Nhi	10A1	107	10	1
18	000689	Phan Thị Hoàng Oanh	10A1	108	14	1.4
19	000702	Nguyễn Thanh Phong	10A1	106	7	0.7
20	000706	Nguyễn Hoàng Phúc	10A1	106	9	0.9
21	000711	Lê Kim Phụng	10A1	105	12	1.2
22	000722	Trần Khánh Quang	10A1	105	12	1.2
23	000731	Nguyễn Thị Kim Sa	10A1	105	10	1
24	000737	Phạm Tấn Tài	10A1	108	14	1.4
25	000740	Trần Hồng Ngọc Tâm	10A1	107	5	0.5
26	000747	Nguyễn Hoàng Minh Thái	10A1	107	9	0.9
27	000765	Nguyễn Nguyên Thảo	10A1	105	11	1.1
28	000780	Bùi Minh Thống	10A1	107	10	1
29	000784	Hoàng Anh Thư	10A1	108	6	0.6
30	000787	Lưu Vũ Thu	10A1	107	12	1.2
31	000800	Nguyễn Ngọc Anh Thy	10A1	107	6	0.6

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
32	000808	Phạm Thảo Tiên	10A1	108	13	1.3
33	000811	Vũ Văn Trà	10A1	108	8	0.8
34	000813	Lê Nguyễn Bảo Trâm	10A1	105	12	1.2
35	000814	Lưu Thị Bích Trâm	10A1	106	14	1.4
36	000835	Nguyễn Thu Trinh	10A1	108	11	1.1
37	000882	Lê Ngũ Hạ Vy	10A1	107	15	1.5
38	000416	Lưu Ngọc Vân Anh	10A10	106	11	1.1
39	000431	Vũ Thị Kim Anh	10A10	106	14	1.4
40	000433	Lê Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10A10	107	9	0.9
41	000442	Trần Đình Cảnh	10A10	107	11	1.1
42	000444	Phạm Ngọc Châu	10A10	105	12	1.2
43	000449	Nguyễn Chí Cường	10A10	107	14	1.4
44	000452	Nguyễn Đăng Thành Danh	10A10	106	9	0.9
45	000465	Ôn Nguyễn Thái Duy	10A10	106	15	1.5
46	000476	Phạm Minh Đăng	10A10	107	15	1.5
47	000477	Vũ Hải Đăng	10A10	108	15	1.5
48	000482	Võ Minh Đạt	10A10	107	12	1.2
49	000498	Nguyễn Hồng Hà	10A10	107	14	1.4
50	000504	Hà Gia Hân	10A10	108	16	1.6
51	000507	Lư Ngọc Hân	10A10	106	11	1.1
52	000525	Lê Quang Hòa	10A10	107	15	1.5
53	000534	Nguyễn Phúc Hưởng	10A10	105	12	1.2
54	000547	Nguyễn Trần Gia Huy	10A10	106	12	1.2
55	000561	Phạm Hoàng Ngân Khánh	10A10	107	15	1.5
56	000585	Đào Thị Thùy Linh	10A10	105	9	0.9
57	000591	Trần Duy Linh	10A10	108	9	0.9
58	000607	Vũ Hoàng Thiên Long	10A10	108	12	1.2
59	000612	Phạm Quỳnh Ly	10A10	108	7	0.7
60	000622	Trần Nhật Bảo Minh	10A10	106	11	1.1
61	000636	Trần Kim Ngân	10A10	105	9	0.9
62	000642	Đặng Bích Ngọc	10A10	106	12	1.2
63	000683	Trần Thị Quỳnh Như	10A10	107	15	1.5
64	000696	Nguyễn Tấn Phát	10A10	108	15	1.5

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
65	000734	Khổng Trần Thiên Sơn	10A10	107	14	1.4
66	000736	Nguyễn Lê Tuấn Tài	10A10	106	15	1.5
67	000764	Nguyễn Hoàng Uyên Thảo	10A10	108	14	1.4
68	000770	Trần Nguyễn Minh Thi	10A10	105	12	1.2
69	000785	Hoàng Anh Thư	10A10	106	12	1.2
70	000795	Hoàng Vũ Phương Thùy	10A10	107	11	1.1
71	000804	Lê Thủy Tiên	10A10	108	14	1.4
72	000821	Phan Nguyễn Bảo Trân	10A10	105	13	1.3
73	000839	Nguyễn Thành Trọng	10A10	105	7	0.7
74	000840	Nguyễn Nghĩa Trực	10A10	108	13	1.3
75	000848	Nguyễn Phạm Cẩm Tú	10A10	107	15	1.5
76	000864	Trình Minh Tường Vân	10A10	105	10	1
77	000868	Nguyễn Đình Việt	10A10	108	14	1.4
78	000884	Nguyễn Chí Vỹ	10A10	106	12	1.2
79	000885	Nguyễn Lê Thảo Vy	10A10	108	12	1.2
80	000896	Phạm Thị Thanh Yên	10A10	105	10	1
81	000406	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	10A11	105	11	1.1
82	000417	Lý Hoài Anh	10A11	107	7	0.7
83	000424	Nguyễn Phương Anh	10A11	107	17	1.7
84	000435	Nguyễn Tất Gia Bảo	10A11	105	13	1.3
85	000455	Võ Thị Ngọc Diễm	10A11	105	11	1.1
86	000459	Nguyễn Phúc Hoàng Dung	10A11	108	10	1
87	000471	Nguyễn Khắc Đại	10A11	107	14	1.4
88	000473	Lê Khánh Đăng	10A11	105	8	0.8
89	000481	Nguyễn Thành Đạt	10A11	108	13	1.3
90	000506	Lê Ngọc Hân	10A11	108	11	1.1
91	000549	Phan Bảo Huy	10A11	106	11	1.1
92	000573	Phan Ngô Anh Khôi	10A11	107	7	0.7
93	000583	Lê Thị Kim Liên	10A11	106	14	1.4
94	000586	Đoàn Ngọc Khánh Linh	10A11	108	12	1.2
95	000587	Huỳnh Lê Thùy Linh	10A11	106	8	0.8
96	000619	Nguyễn Ngọc Minh	10A11	108	12	1.2
97	000629	Bùi Nguyễn Ngọc Ngân	10A11	106	12	1.2

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
98	000640	Lê Thanh Bảo Nghi	10A11	107	10	1
99	000660	Khuất Thành Nhân	10A11	105	13	1.3
100	000661	Lê Đại Nhân	10A11	107	5	0.5
101	000670	Lê Thị Uyển Nhi	10A11	105	2	0.2
102	000679	Mai Thị Quỳnh Như	10A11	105	10	1
103	000710	Trần Thiên Phúc	10A11	105	13	1.3
104	000715	Hoàng Anh Quân	10A11	105	10	1
105	000719	Đặng Vinh Quang	10A11	107	14	1.4
106	000724	Đình Quang Phú Quý	10A11	105	11	1.1
107	000733	Nguyễn Tấn Thanh Sang	10A11	106	11	1.1
108	000744	Đỗ Lê Ngọc Thạch	10A11	106	17	1.7
109	000756	Nguyễn Ngọc Thanh	10A11	105	6	0.6
110	000768	Nguyễn Quỳnh Thi	10A11	108	11	1.1
111	000771	Nguyễn Minh Thiện	10A11	107	12	1.2
112	000786	Huỳnh Thị Anh Thư	10A11	105	12	1.2
113	000792	Ngô Minh Thuận	10A11	108	16	1.6
114	000822	Trần Thị Huyền Trân	10A11	106	13	1.3
115	000834	Nguyễn Ngọc Lam Trinh	10A11	106	11	1.1
116	000837	Trần Gia Phương Trinh	10A11	107	16	1.6
117	000842	Nguyễn Đức Trung	10A11	105	10	1
118	000873	Hoàng Thọ Vũ	10A11	107	10	1
119	000883	Lê Nguyễn Ngọc Vy	10A11	108	13	1.3
120	000888	Trà Thị Yến Vy	10A11	105	17	1.7
121	000890	Nguyễn Loan Thanh Xuân	10A11	106	9	0.9
122	000421	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	10A12	108	12	1.2
123	000426	Phạm Nhật Anh	10A12	108	12	1.2
124	000436	Trần Lê Gia Bảo	10A12	106	15	1.5
125	000447	Nguyễn Đức Chung	10A12	106	14	1.4
126	000454	Trần Công Danh	10A12	108	13	1.3
127	000457	Vũ Hoàng Vy Du	10A12	105	13	1.3
128	000490	Phạm Việt Đức	10A12	108	8	0.8
129	000493	Nguyễn Thị Hương Giang	10A12	106	11	1.1
130	000499	Nguyễn Ngọc Thu Hà	10A12	106	12	1.2

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
131	000510	Nguyễn Phạm Ngọc Hân	10A12	106	14	1.4
132	000517	Nguyễn Thanh Hậu	10A12	108	9	0.9
133	000521	Kiều Công Hiếu	10A12	106	10	1
134	000530	Bừu Bảo Duy Hưng	10A12	106	14	1.4
135	000532	Nguyễn Hồ Hữu Hưng	10A12	107	13	1.3
136	000568	Nguyễn Đăng Khoa	10A12	107	7	0.7
137	000572	Lê Minh Khôi	10A12	105	9	0.9
138	000600	Huỳnh Gia Long	10A12	108	14	1.4
139	000610	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	10A12	106	9	0.9
140	000613	Lê Thị Mai	10A12	107	12	1.2
141	000634	Nguyễn Ngọc Tuyết Ngân	10A12	107	11	1.1
142	000637	Trần Ngọc Huỳnh Ngân	10A12	105	6	0.6
143	000674	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10A12	106	12	1.2
144	000682	Phạm Lê Mẫn Như	10A12	107	13	1.3
145	000688	Hà Nguyễn Kiều Oanh	10A12	105	11	1.1
146	000701	Nguyễn Nhật Phong	10A12	105	18	1.8
147	000704	Đặng Nhật Gia Phúc	10A12	107	7	0.7
148	000718	Trần Minh Quân	10A12	107	10	1
149	000721	Lê Vinh Quang	10A12	108	13	1.3
150	000725	Lương Từ Trúc Quyên	10A12	107	13	1.3
151	000728	Hà Như Quỳnh	10A12	107	11	1.1
152	000775	Phạm Lê Hoàng Thiện	10A12	108	11	1.1
153	000777	Đào Đức Thịnh	10A12	105	14	1.4
154	000783	Đào Võ Anh Thư	10A12	107	15	1.5
155	000794	Bùi Thị Ngọc Thúy	10A12	106	10	1
156	000805	Nguyễn Anh Tiến	10A12	106	10	1
157	000845	Lê Quang Anh Tú	10A12	105	11	1.1
158	000849	Trần Thanh Tú	10A12	108	14	1.4
159	000881	Lê Ngọc Thảo Vy	10A12	106	7	0.7
160	000892	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10A12	107	10	1
161	000419	Nguyễn Ngọc Như Anh	10A2	108	14	1.4
162	000432	Vũ Trâm Anh	10A2	105	11	1.1
163	000439	Nguyễn Đào Như Bình	10A2	105	11	1.1

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
164	000441	Nguyễn Y Bình	10A2	108	15	1.5
165	000466	Trần Công Duy	10A2	107	13	1.3
166	000479	Đỗ Thành Đạt	10A2	108	16	1.6
167	000491	Giang Trường Giang	10A2	105	15	1.5
168	000519	Lưu Thanh Hiền	10A2	105	13	1.3
169	000526	Ngô Huy Hoàng	10A2	108	9	0.9
170	000548	Nguyễn Trần Quốc Huy	10A2	105	14	1.4
171	000556	Nguyễn Hữu Duy Khang	10A2	106	12	1.2
172	000567	Mai Anh Khoa	10A2	106	12	1.2
173	000593	Vũ Thị Thùy Linh	10A2	107	12	1.2
174	000596	Nguyễn Quốc Lộc	10A2	106	13	1.3
175	000598	Hoàng Duy Long	10A2	107	14	1.4
176	000605	Phạm Thanh Trường Long	10A2	108	7	0.7
177	000632	Lê Hoàng Kim Ngân	10A2	108	10	1
178	000644	Lê Hoàng Kim Ngọc	10A2	107	13	1.3
179	000678	Bùi Phạm Yên Như	10A2	108	14	1.4
180	000680	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10A2	108	14	1.4
181	000684	Đoàn Ngọc Nhung	10A2	106	13	1.3
182	000693	Lương Quang Phát	10A2	107	10	1
183	000697	Tăng Tấn Phát	10A2	108	13	1.3
184	000703	Nguyễn Thanh Phong	10A2	108	12	1.2
185	000709	Nguyễn Thị Hồng Phúc	10A2	107	12	1.2
186	000713	Nguyễn Hứa Hoài Phương	10A2	106	11	1.1
187	000717	Nguyễn Minh Quân	10A2	108	5	0.5
188	000746	Lê Văn Thái	10A2	105	12	1.2
189	000754	Hoàng Nguyễn Đại Thành	10A2	106	9	0.9
190	000759	Tạ Nguyễn Ngọc Thanh	10A2	105	8	0.8
191	000762	Huỳnh Phương Thảo	10A2	107	17	1.7
192	000782	Dương Nguyễn Minh Thư	10A2	106	12	1.2
193	000796	Huỳnh Như Thủy	10A2	107	15	1.5
194	000802	Võ Nguyễn Trâm Thy	10A2	105	10	1
195	000818	Nguyễn Diệp Quyền Trân	10A2	106	16	1.6
196	000825	Trần Vũ Phương Trang	10A2	106	11	1.1

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
197	000828	Nguyễn Mạnh Trí	10A2	106	15	1.5
198	000841	Võ Thị Minh Trúc	10A2	108	14	1.4
199	000854	Lê Thanh Tùng	10A2	107	10	1
200	000858	Trần Thị Thanh Tuyền	10A2	105	11	1.1
201	000869	Nguyễn Xuân Quốc Việt	10A2	107	16	1.6
202	000889	Vương Thảo Vy	10A2	105	8	0.8
203	000409	Phạm Lê Hoài An	10A3	108	11	1.1
204	000415	Lê Thiện Minh Anh	10A3	107	10	1
205	000428	Phan Thị Quỳnh Anh	10A3	108	12	1.2
206	000474	Nguyễn Hải Đăng	10A3	108	11	1.1
207	000483	Võ Thành Đạt	10A3	106	6	0.6
208	000492	Hoàng Thị Hương Giang	10A3	106	12	1.2
209	000512	Trần Gia Hân	10A3	107	12	1.2
210	000515	Nguyễn Phạm Anh Hào	10A3	107	9	0.9
211	000518	Nguyễn Trung Hậu	10A3	105	10	1
212	000527	Nguyễn Đức Hoàng	10A3	106	12	1.2
213	000543	Nguyễn Hoàng Huy	10A3	108	12	1.2
214	000553	Nguyễn Chí Khang	10A3	108	14	1.4
215	000559	Nguyễn Duy Khánh	10A3	105	8	0.8
216	000564	Trần Quốc Khánh	10A3	108	8	0.8
217	000565	Châu Minh Khoa	10A3	106	11	1.1
218	000576	Lê Thị Kiều	10A3	108	12	1.2
219	000579	Nguyễn Bình Lai	10A3	105	11	1.1
220	000580	Lương Nguyễn Triều Lam	10A3	108	14	1.4
221	000588	Nguyễn Mai Linh	10A3	107	12	1.2
222	000599	Hoàng Nguyễn Hải Long	10A3	105	10	1
223	000608	Đỗ Ngọc Đan Ly	10A3	105	12	1.2
224	000643	Hòa Minh Ngọc	10A3	108	11	1.1
225	000655	Nguyễn Nhật Nguyên	10A3	108	12	1.2
226	000665	Nguyễn Minh Nhật	10A3	106	18	1.8
227	000669	Kim Thị Tuyết Nhi	10A3	108	13	1.3
228	000673	Nguyễn Thị Bình Nhi	10A3	107	14	1.4
229	000677	Nguyễn Thảo Nhiên	10A3	105	13	1.3

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
230	000712	Trương Trần Thiên Phước	10A3	108	13	1.3
231	000726	Nguyễn Ngọc Quyên	10A3	106	11	1.1
232	000757	Nguyễn Trường Thành	10A3	108	11	1.1
233	000758	Phạm Ngọc Mai Thanh	10A3	107	5	0.5
234	000760	Trương Việt Thành	10A3	106	14	1.4
235	000769	Phạm Ngọc Minh Thi	10A3	106	6	0.6
236	000797	Nguyễn Ánh Thùy	10A3	105	16	1.6
237	000810	Dương Trương Duy Toàn	10A3	106	13	1.3
238	000820	Phạm Thụy Bảo Trân	10A3	105	15	1.5
239	000830	Phạm Minh Trí	10A3	105	14	1.4
240	000838	Đặng Thanh Trọng	10A3	108	6	0.6
241	000853	Thái Đình Anh Tuấn	10A3	108	8	0.8
242	000855	Nguyễn Lê Thanh Tùng	10A3	105	8	0.8
243	000865	Vũ Thị Bích Vân	10A3	105	14	1.4
244	000887	Nguyễn Ngọc Yến Vy	10A3	106	12	1.2
245	000891	Nguyễn Thanh Xuân	10A3	106	12	1.2
246	000405	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	10A4	106	14	1.4
247	000420	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	10A4	106	10	1
248	000423	Nguyễn Thị Tuyết Anh	10A4	108	12	1.2
249	000456	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	10A4	108	13	1.3
250	000464	Lưu Khương Duy	10A4	105	13	1.3
251	000468	Nguyễn Ngọc Duyên	10A4	106	14	1.4
252	000475	Nguyễn Hải Đăng	10A4	106	12	1.2
253	000496	Bùi Võ Ngọc Hà	10A4	105	12	1.2
254	000503	Đình Lưu Gia Hân	10A4			Vắng
255	000520	Trần Lê Xuân Hiền	10A4	108	10	1
256	000522	Ngô Minh Hiếu	10A4	107	14	1.4
257	000523	Võ Thanh Hiếu	10A4	108	11	1.1
258	000539	Bùi Quốc Huy	10A4	105	12	1.2
259	000544	Nguyễn Hữu Huy	10A4	107	14	1.4
260	000575	Trần Nguyễn Anh Kiệt	10A4	107	13	1.3
261	000578	Trần Thùy Thiên Kim	10A4	105	12	1.2
262	000581	Nguyễn Hoàng Lâm	10A4	106	9	0.9

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
263	000606	Trần Ngọc Long	10A4	106	12	1.2
264	000615	Nguyễn Thanh Mai	10A4	106	13	1.3
265	000652	Vũ Hồng Ngọc	10A4	106	15	1.5
266	000656	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	10A4	107	9	0.9
267	000666	Trương Minh Nhật	10A4	107	13	1.3
268	000675	Nguyễn Thị Yến Nhi	10A4	106	12	1.2
269	000686	Nguyễn Lê Huy Nhựt	10A4	105	13	1.3
270	000687	Nguyễn Minh Nhựt	10A4	106	18	1.8
271	000691	Lê Thành Phát	10A4	105	14	1.4
272	000692	Lữ Tiến Phát	10A4	107	15	1.5
273	000723	Huỳnh Thương Quê	10A4	108	15	1.5
274	000727	Đỗ Ngọc Phương Quỳnh	10A4	106	18	1.8
275	000732	Đoàn Minh Sang	10A4	108	12	1.2
276	000741	Trương Thanh Tâm	10A4	108	12	1.2
277	000745	Dương Thông Thái	10A4	106	8	0.8
278	000781	Nguyễn Hoàng Thông	10A4	105	7	0.7
279	000790	Trần Ngọc Anh Thư	10A4	105	16	1.6
280	000791	Trần Thương Thư	10A4	107	10	1
281	000799	Võ Thị Anh Thúy	10A4	107	11	1.1
282	000827	Lã Đức Trí	10A4	107	11	1.1
283	000843	Mai Mạnh Trương	10A4	106	5	0.5
284	000871	Nguyễn Quốc Vinh	10A4	106	8	0.8
285	000878	Lê Bình Phương Vy	10A4	106	15	1.5
286	000879	Lê Hữu Vỹ	10A4	105	16	1.6
287	000880	Lê Ngọc Mai Vy	10A4	108	11	1.1
288	000894	Hồ Thị Kim Yên	10A4	108	7	0.7
289	000895	Nguyễn Hoàng Yến	10A4	108	10	1
290	000404	Lê Hồng An	10A5	107	15	1.5
291	000407	Nguyễn Ngọc Thiên Ân	10A5	106	17	1.7
292	000429	Tăng Ngọc Minh Anh	10A5	108	12	1.2
293	000450	Phạm Quốc Cường	10A5	105	11	1.1
294	000461	Phan Tuấn Dũng	10A5	106	7	0.7
295	000480	Huỳnh Tấn Đạt	10A5	105	12	1.2

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
296	000494	Trần Thị Ánh Giang	10A5	107	8	0.8
297	000495	Dương Thanh Giàu	10A5	108	15	1.5
298	000529	Vũ Đức Huấn	10A5	105	13	1.3
299	000536	Nguyễn Thị Thu Hương	10A5	108	13	1.3
300	000537	Triệu Linh Hương	10A5	107	7	0.7
301	000552	Trần Duy Khải	10A5	108	10	1
302	000555	Nguyễn Đình Minh Khang	10A5	105	16	1.6
303	000557	Nguyễn Tường Khang	10A5	105	17	1.7
304	000570	Nguyễn Lê Minh Khoa	10A5	108	14	1.4
305	000589	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	10A5	107	14	1.4
306	000590	Nguyễn Thị Yến Linh	10A5	106	10	1
307	000603	Nguyễn Phạm Hoàng Long	10A5	106	16	1.6
308	000618	Hoàng Nhật Minh	10A5	107	13	1.3
309	000625	Đình Viết Trung Nam	10A5	107	14	1.4
310	000628	Phạm Dương Hồng Nga	10A5	108	15	1.5
311	000649	Phạm Bích Ngọc	10A5	106	10	1
312	000659	Vũ Thị Thảo Nguyên	10A5	108	11	1.1
313	000671	Lư Trần Uyển Nhi	10A5	108	11	1.1
314	000681	Nguyễn Ngọc Thiên Như	10A5	106	12	1.2
315	000705	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	10A5	105	13	1.3
316	000714	Dương Hoàng Quân	10A5	106	7	0.7
317	000716	Nguyễn Anh Quân	10A5	108	13	1.3
318	000730	Trần Ngọc Tiểu Quỳnh	10A5	108	11	1.1
319	000735	Võ Hồng Sơn	10A5	107	12	1.2
320	000738	Nguyễn Thành Tâm	10A5	105	7	0.7
321	000772	Nguyễn Ngọc Thiện	10A5	108	9	0.9
322	000779	Nguyễn Đoàn Đức Thịnh	10A5	108	10	1
323	000789	Phạm Ngô Thị Minh Thu	10A5	106	13	1.3
324	000803	Huỳnh Văn Tiền	10A5	108	14	1.4
325	000823	Lương Thị Huyền Trang	10A5	107	10	1
326	000850	Trần Thị Cẩm Tú	10A5	107	12	1.2
327	000861	Vũ Thị Nhã Uyên	10A5	105	13	1.3
328	000863	Nguyễn Ngọc Khánh Vân	10A5	108	10	1

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
329	000877	Hoàng Lê Thảo Vy	10A5	105	8	0.8
330	000413	Lê Bảo Anh	10A6	107	10	1
331	000418	Nguyễn Minh Anh	10A6	105	5	0.5
332	000434	Nguyễn Công Tuấn Bảo	10A6	108	8	0.8
333	000443	Nguyễn Hoàng Ngọc Châu	10A6	106	13	1.3
334	000448	Lương Trí Cường	10A6	106	8	0.8
335	000451	Phạm Quốc Cường	10A6	105	12	1.2
336	000462	Bùi Doãn Dương	10A6	105	12	1.2
337	000485	Trương Thanh Định	10A6	107	10	1
338	000501	Bùi Chí Hải	10A6	107	9	0.9
339	000505	Lê Gia Hân	10A6	107	14	1.4
340	000524	Lâm Thị Xuân Hoa	10A6	107	13	1.3
341	000533	Nguyễn Minh Hương	10A6	108	11	1.1
342	000558	Đình Lê Khanh	10A6	108	11	1.1
343	000574	Đào Tuấn Kiệt	10A6	106	8	0.8
344	000592	Trần Thị Thùy Linh	10A6	105	16	1.6
345	000597	Triệu Phước Lộc	10A6			
346	000602	Nguyễn Huỳnh Long	10A6	105	16	1.6
347	000611	Phạm Lê Mỹ Ly	10A6	105	12	1.2
348	000614	Nguyễn Ngọc Phương Mai	10A6	107	12	1.2
349	000621	Phạm Quang Minh	10A6			
350	000647	Nguyễn Thị Thu Ngọc	10A6	107	12	1.2
351	000650	Thạch Bảo Ngọc	10A6	105	14	1.4
352	000654	Nguyễn Đình Khôi Nguyên	10A6	106	9	0.9
353	000685	Hoàng Vân Nhung	10A6	108	11	1.1
354	000695	Nguyễn Minh Phát	10A6			
355	000707	Nguyễn Hồng Phúc	10A6	106	13	1.3
356	000708	Nguyễn Ngọc Gia Phúc	10A6	107	13	1.3
357	000742	Nguyễn Nhật Hoàng Tân	10A6	107	14	1.4
358	000743	Trần Anh Tân	10A6	107	11	1.1
359	000751	Nguyễn Việt Thắng	10A6	106	11	1.1
360	000766	Nguyễn Thị Thu Thảo	10A6	108	12	1.2
361	000767	Nguyễn Thương Thảo	10A6	107	8	0.8

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
362	000798	Nguyễn Thị Thanh Thủy	10A6	106	14	1.4
363	000809	Nguyễn Phan Đức Tín	10A6	105	14	1.4
364	000832	Trương Minh Trí	10A6	107	14	1.4
365	000836	Nguyễn Võ Ngọc Trinh	10A6	107	10	1
366	000874	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	10A6	108	14	1.4
367	000875	Vũ Bá Vương	10A6	107	11	1.1
368	000876	Đào Trần Vy	10A6	105	16	1.6
369	000886	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	10A6	105	15	1.5
370	000403	Đỗ Thiện Ân	10A7	105	16	1.6
371	000408	Nguyễn Quốc An	10A7	105	15	1.5
372	000422	Nguyễn Quỳnh Mai Anh	10A7	105	10	1
373	000467	Trần Đức Duy	10A7	107	13	1.3
374	000469	Nguyễn Ngọc Thuần Duyên	10A7	107	12	1.2
375	000470	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	10A7	108	13	1.3
376	000472	Nguyễn Thị Tâm Đan	10A7	108	15	1.5
377	000478	Lê Xuân Đạo	10A7	105	16	1.6
378	000489	Nguyễn Phúc Đức	10A7	107	11	1.1
379	000500	Trần Thị Thu Hà	10A7	105	11	1.1
380	000511	Phạm Trần Bảo Hân	10A7	108	16	1.6
381	000513	Nguyễn Thúy Hằng	10A7	107	12	1.2
382	000514	Hồ Phi Nhật Hào	10A7	108	13	1.3
383	000540	Lê Nguyễn Đức Huy	10A7	106	15	1.5
384	000545	Nguyễn Quang Huy	10A7	107	12	1.2
385	000569	Nguyễn Hà Anh Khoa	10A7	105	12	1.2
386	000571	Trần Trịnh Thanh Khoa	10A7	108	13	1.3
387	000582	Nguyễn Thị Thanh Lan	10A7	107	13	1.3
388	000595	Dương Tấn Lộc	10A7	107	12	1.2
389	000609	Lê Thị Cẩm Ly	10A7	108	8	0.8
390	000639	Lâm Tô Song Nghi	10A7	108	9	0.9
391	000645	Ngô Hồng Ngọc	10A7	106	9	0.9
392	000657	Phạm Phương Nguyễn	10A7	105	16	1.6
393	000667	Trương Minh Nhật	10A7	107	10	1
394	000690	Thái Bá Pháp	10A7	108	14	1.4

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
395	000739	Phạm Băng Tâm	10A7	106	13	1.3
396	000749	Lại Hoàng Thắng	10A7	105	9	0.9
397	000753	Đặng Tấn Thành	10A7	105	16	1.6
398	000763	Huỳnh Thị Thanh Thảo	10A7	107	12	1.2
399	000801	Trần Ngọc Uyên Thy	10A7	106	13	1.3
400	000816	Nguyễn Thị Bích Trâm	10A7	107	11	1.1
401	000817	Đoàn Cẩm Trân	10A7	107	10	1
402	000831	Phạm Minh Trí	10A7	108	9	0.9
403	000844	Trần Nhật Trường	10A7	106	4	0.4
404	000846	Lê Thanh Tú	10A7	106	13	1.3
405	000852	Ngô Anh Tuấn	10A7	107	4	0.4
406	000860	Nguyễn Thị Phương Uyên	10A7	106	7	0.7
407	000862	Hoàng Hồng Vân	10A7	108	11	1.1
408	000870	Trần Quốc Việt	10A7	106	16	1.6
409	000893	Nguyễn Cao Ý	10A7	107	15	1.5
410	000411	Đình Tuấn Anh	10A8	108	11	1.1
411	000414	Lê Nguyễn Quỳnh Anh	10A8	106	16	1.6
412	000425	Nhâm Thục Anh	10A8	106	18	1.8
413	000438	Võ Nguyên Bảo	10A8	108	12	1.2
414	000440	Nguyễn Thái Bình	10A8	106	12	1.2
415	000445	Phạm Thị Mỹ Chi	10A8	108	16	1.6
416	000446	Đào Minh Chiến	10A8	107	10	1
417	000453	Nguyễn Thế Danh	10A8	105	8	0.8
418	000460	Phạm Thanh Dũng	10A8	107	14	1.4
419	000531	Dương Bá Hùng	10A8	106	17	1.7
420	000538	Võ Đoàn Song Hương	10A8	107	14	1.4
421	000550	Vũ Quang Huy	10A8	106	9	0.9
422	000551	Lê Vinh Khải	10A8	107	11	1.1
423	000562	Phạm Hùng Khánh	10A8	105	13	1.3
424	000577	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	10A8	108	17	1.7
425	000584	Bùi Phương Linh	10A8	105	15	1.5
426	000604	Nguyễn Trần Bảo Long	10A8	107	9	0.9
427	000616	Lê Việt Thiên Mẫn	10A8	108	16	1.6

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
428	000620	Nguyễn Phan Ngọc Minh	10A8	105	14	1.4
429	000624	Nguyễn Hồng My	10A8	105	13	1.3
430	000631	Giang Cao Thanh Ngân	10A8	105	12	1.2
431	000638	Trương Trần Hồng Ngân	10A8	106	14	1.4
432	000648	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	10A8	108	15	1.5
433	000653	Lê Ngọc Trí Nguyên	10A8	105	13	1.3
434	000668	Chế Thị Uyên Nhi	10A8	106	13	1.3
435	000672	Lun Thị Yến Nhi	10A8	105	12	1.2
436	000698	Trần Văn Phi	10A8	105	11	1.1
437	000699	Trịnh Ngọc Hoàng Phi	10A8	107	12	1.2
438	000720	Lâm Trần Quang	10A8	106	11	1.1
439	000729	Phan Vân Diễm Quỳnh	10A8	105	9	0.9
440	000748	Nguyễn Thị Hồng Thắm	10A8	108	7	0.7
441	000752	Cao Nhật Thanh	10A8	105	16	1.6
442	000755	Nguyễn Hoàng Thanh	10A8	108	12	1.2
443	000773	Nguyễn Quốc Thiên	10A8	106	6	0.6
444	000815	Nguyễn Thị Bảo Trâm	10A8	108	13	1.3
445	000824	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	10A8	106	10	1
446	000829	Phạm Hồ Minh Trí	10A8	108	17	1.7
447	000833	Bùi Lê Ngọc Trinh	10A8	107	12	1.2
448	000847	Lê Trường Anh Tú	10A8	106	9	0.9
449	000851	Trần Xuân Tú	10A8	105	14	1.4
450	000859	Nguyễn Phương Uyên	10A8	108	8	0.8
451	000866	Lê Phạm Tường Vi	10A8	107	9	0.9
452	000427	Phạm Phương Anh	10A9	107	15	1.5
453	000437	Trịnh Thiên Bảo	10A9	107	12	1.2
454	000463	Nguyễn Thị Thùy Dương	10A9	106	11	1.1
455	000487	Nguyễn Đồng Minh Đức	10A9	105	12	1.2
456	000488	Nguyễn Hồng Đức	10A9	108	11	1.1
457	000502	Võ Minh Hải	10A9	106	16	1.6
458	000508	Lý Gia Hân	10A9	105	15	1.5
459	000535	Nguyễn Thị Diễm Hương	10A9	107	9	0.9
460	000542	Nguyễn Đức Huy	10A9	106	11	1.1

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
461	000546	Nguyễn Quốc Huy	10A9	108	9	0.9
462	000554	Nguyễn Duy Khang	10A9	107	9	0.9
463	000560	Nguyễn Quốc Khánh	10A9	106	6	0.6
464	000566	Dương Minh Khoa	10A9	107	13	1.3
465	000594	Nguyễn Thị Thu Loan	10A9	108	10	1
466	000601	Lê Hoàng Long	10A9	105	9	0.9
467	000617	Hoàng Hải Minh	10A9	106	7	0.7
468	000623	Huỳnh Gia Mỹ	10A9	108	8	0.8
469	000626	Huỳnh Nhật Nam	10A9	106	12	1.2
470	000635	Trần Huỳnh Kim Ngân	10A9	106	15	1.5
471	000646	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	10A9	105	12	1.2
472	000651	Võ Thị Hồng Ngọc	10A9	107	9	0.9
473	000658	Trần Thảo Nguyên	10A9	106	13	1.3
474	000662	Nguyễn Minh Nhân	10A9	108	10	1
475	000663	Phan Ngọc Nhân	10A9	105	17	1.7
476	000664	Lê Phạm Minh Nhật	10A9	108	8	0.8
477	000694	Nguyễn Đại Phát	10A9	106	15	1.5
478	000700	Trương Ngọc Hoàng Phi	10A9	108	12	1.2
479	000750	Lê Hữu Thắng	10A9	108	2	0.2
480	000761	Bùi Thị Thảo	10A9	106	11	1.1
481	000774	Nguyễn Tâm Thiện	10A9	105	10	1
482	000776	Mai Văn Thiệu	10A9	107	13	1.3
483	000778	Lê Trung Thịnh	10A9	106	13	1.3
484	000788	Nguyễn Hoàng Yên Thu	10A9	108	12	1.2
485	000793	Nguyễn Hoàng Thuận	10A9	105	17	1.7
486	000806	Nguyễn Ngọc Thảo Tiên	10A9	105	11	1.1
487	000807	Phạm Ngọc Tiên	10A9	108	7	0.7
488	000812	Huỳnh Ngọc Bảo Trâm	10A9	107	11	1.1
489	000819	Nguyễn Thị Huyền Trân	10A9	106	11	1.1
490	000826	Vũ Ngọc Yên Trang	10A9	105	10	1
491	000856	Ngô Thị Bích Tuyền	10A9	106	12	1.2
492	000857	Quách Phụng Tuyền	10A9	107	12	1.2
493	000867	Nguyễn Lê Ngọc Vi	10A9	106	9	0.9

STT	Số báo danh	Họ tên thí sinh	Lớp	Mã đề	Số câu đúng	Điểm thi
494	000872	Nguyễn Thế Vinh	10A9	107	13	1.3